

Số: 646 /KH-PGDĐT

Ba Vi, ngày 09 tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

Tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2023-2024 trên địa bàn huyện Ba Vi

Căn cứ vào Điều lệ trường mầm non; Điều lệ trường tiểu học; Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT- BGDDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ các văn bản hợp nhất của Bộ GDĐT: Số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT;

Căn cứ Hướng dẫn số: 909/SGDDĐT-QLT ngày 30/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND huyện Ba Vi về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023 - 2024 cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông cơ sở trên địa bàn huyện;

Căn cứ tình hình thực tế của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện Ba Vi;

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Ba Vi ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024 trên địa bàn huyện Ba Vi cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.

2. Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở các trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo năm rõ: tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm: tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học, giảm

số học sinh trái tuyến, giảm số học sinh/lớp; tăng số học sinh được học 2 buổi/ngày.

4. Các trường tuyệt đối không được vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

5. Thực hiện công khai các văn bản hướng dẫn tuyển sinh và mẫu đơn đăng ký tuyển sinh trên website nhà trường, kết hợp gửi file mẫu đơn đăng ký tới phụ huynh học sinh bằng hình thức trực tuyến (thông qua ứng dụng thư điện tử, nhóm zalo, facebook, ...) giúp phụ huynh học sinh nắm bắt thông tin tuyển sinh cập nhật, kịp thời.

6. Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cấp trên trực tiếp; Thủ trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng về công tác tuyển sinh.

B. NỘI DUNG TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, LỚP 1, LỚP 6

I. Tuyển sinh vào các trường mầm non

1. Phương thức tuyển sinh:

- Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyến tuyển sinh do UBND huyện phê duyệt;

- Tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến thông qua Hệ thống tuyển sinh trực tuyến thành phố Hà Nội.

2. Các trường thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh, tuyến tuyển sinh, thời gian tuyển sinh trẻ mầm non ở từng độ tuổi và tổ chức tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư theo quy định.

3. Các trường phối hợp với UBND xã, thị trấn trong công tác tổ chức tuyển sinh; phối hợp với các đơn vị khác trên địa bàn, dưới sự chỉ đạo của UBND xã, thị trấn, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong các thôn, xóm, tổ dân phố về công tác tuyển sinh trong đó nêu rõ: tuyến tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh ở từng độ tuổi để cha mẹ trẻ hiểu rõ, tránh gây áp lực cho công tác tuyển sinh, đưa trẻ đến trường nhập học theo đúng độ tuổi và tuyến tuyển sinh quy định. Trường hợp số trẻ đăng ký học tại trường vượt quá khả năng tiếp nhận, nhà trường phải ưu tiên tiếp nhận trẻ 5 tuổi, trẻ thuộc tuyến tuyển sinh được giao.

4. Về số trẻ trong một lớp thực hiện theo quy định Điều 15 Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT. Trường hợp do số trẻ trên địa bàn đăng ký học vượt quá quy định tại Điều 15 thì số trẻ trong mỗi nhóm, lớp có thể tăng thêm nhưng phải đảm bảo được tỷ lệ số giáo viên/trẻ/lớp theo quy định tại Điều lệ và diện tích phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo tối thiểu đạt 1,5 m² cho một cháu.

5. Hồ sơ tuyển sinh:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;

6. Các trường mầm non tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ.

II. Tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6

1. Phương thức tuyển sinh:

Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyển tuyển sinh do UBND huyện quy định, tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến thông qua Hệ thống tuyển sinh trực tuyến thành phố Hà Nội.

Với những trường có số lượng học sinh đăng ký vào lớp 1 hoặc lớp 6 nhiều hơn so với chỉ tiêu tuyển sinh, căn cứ vào các quy định hiện hành để xây dựng phương án tuyển sinh phù hợp trình UBND. huyện thông qua cơ quan thường trực là Phòng GDĐT, Phòng GDĐT báo cáo Sở GDĐT và UBND huyện. Tuyệt đối không tổ chức thi tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6.

2. Địa bàn tuyển sinh: theo tuyển tuyển sinh do UBND huyện quy định cho các trường.

3. Đối tượng dự tuyển vào lớp 6: HS đã hoàn thành chương trình tiểu học.

4. Độ tuổi tuyển sinh:

4.1. Lớp 1: Tuổi của trẻ vào học lớp 1 là 6 tuổi (sinh năm 2017). Trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không được nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

4.2. Lớp 6:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2012);

- Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học;

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

- Học sinh không được lưu ban quá hai lần trong một cấp học.

5. Hồ sơ tuyển sinh:

5.1. Lớp 1:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 1 (*theo mẫu do nhà trường tuyển sinh phát hành*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

+ Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;

+ Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

5.2. Lớp 6:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 6 (theo mẫu do nhà trường tuyển sinh phát hành) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

+ Bản chính học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;

+ Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ;

+ Quyết định cho phép học vượt lớp (nếu có);

+ Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

III. Thời gian tuyển sinh

1. Cấp mã số học sinh: Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phải hoàn thành việc cấp mã học sinh (kèm mật khẩu) cho cha mẹ học sinh trước ngày 25/5/2023.

2. Thời gian tuyển sinh:

2.1. Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:

- Tuyển sinh vào lớp 1: Từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 03/7/2023;

- Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: Từ ngày 04/7/2023 đến hết ngày 06/7/2023;

- Tuyển sinh vào lớp 6: Từ ngày 07/7/2023 đến hết ngày 09/7/2023;

2.2. Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ ngày 13/7/2023 đến hết ngày 18/7/2023;

3. Lưu ý:

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Cha (mẹ) học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công đến 17h00 ngày 18/7/2023;

- Sau ngày 18/7/2023, những trường tuyển chưa đủ chỉ tiêu được giao phải báo cáo phòng GDĐT, căn cứ vào tình hình cụ thể của từng trường, phòng GDĐT cho phép trường được tuyển sinh bổ sung học sinh cho đủ chỉ tiêu từ ngày 21/7/2023 đến ngày 22/7/2023; riêng đối với các trường mầm non được tuyển sinh đến khi đủ chỉ tiêu được giao;

- Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh của các trường tập hợp danh sách (Mẫu 02 đính kèm Kế hoạch này) các học sinh dự tuyển năm học 2023-2024 cần phải xác minh thông tin cư trú, chủ động phối hợp với Công an cấp xã trên địa bàn để rà soát, xác thực (tuyệt đối không yêu cầu cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh đi xác minh); sau khi có kết quả xác minh của Công an cấp xã, đối với những trường hợp không hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh của trường cần thông tin kịp thời cho cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh để cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh liên hệ, đăng ký dự tuyển tại trường phù hợp, đảm bảo đúng quy định.

- Các trường cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển vào hệ thống sổ điểm điện tử chậm nhất ngày 23/7/2023.

IV. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh

* Cấp học Mầm non:

- Nhà trẻ: 3.411 trẻ ra lớp/7.424 số trẻ trong độ tuổi, tỷ lệ: 46 %;

- Mẫu giáo:

+ Lớp 3 tuổi: 3.883 trẻ ra lớp/4.261 trẻ trong độ tuổi, tỷ lệ: 91.1% (trong đó tuyển mới 1136 trẻ);

+ Lớp 4 tuổi: 4.287 trẻ ra lớp/4.539 trẻ trong độ tuổi được điều tra, tỷ lệ: 94.4% (trong đó tuyển mới 456 trẻ);

+ Lớp 5 tuổi: 4.319 trẻ ra lớp/4.319 trẻ trong độ tuổi điều tra, tỷ lệ: 100% trong đó trẻ tuyển mới: 118 trẻ.

* Lớp 1: Chỉ tiêu 4.712/4.712 học sinh = 100%; Số lớp: 149 lớp.

* Lớp 6: Chỉ tiêu 6.782/6.801 học sinh = 99.7 %; Số lớp: 169 lớp.

(Chi tiết từng trường, địa bàn tuyển sinh có phụ lục gửi kèm)

V. Công tác tuyển sinh đảm bảo phòng, chống dịch Covid-19

Căn cứ tình hình diễn biến dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong trường hợp đến thời điểm tổ chức tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023-2024 vẫn còn ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, Hội đồng tuyển sinh của các trường phải thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch COVID-19 theo đúng chỉ đạo của cấp trên. Các nhà trường quán triệt đẩy mạnh tuyên truyền tới người dân về hình thức tuyển sinh trực tuyến trên hệ thống phần mềm tuyển sinh của thành phố Hà Nội; tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác tuyển sinh đầu cấp; sử dụng các tiện ích trực tuyến trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký tuyển sinh nhằm đảm bảo tính minh bạch, tránh sự đi lại nhiều của người dân, đồng thời đảm bảo an toàn về sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Phòng Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo và tổ chức việc phối hợp giữa UBND các xã, thị trấn với các trường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6; phân tuyến tuyển sinh hợp lý để huy động được số trẻ, số học sinh đến trường với tỷ lệ cao nhất, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở các trường trên địa bàn huyện. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được UBND và Công an xã, thị trấn xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là cơ sở để phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với UBND huyện trong công tác phân tuyến tuyển sinh.

2. Tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường mầm non, tiểu học, THCS và PTCS.

3. Tổng hợp kế hoạch tuyển sinh của các trường trên địa bàn huyện, lập kế hoạch tuyển sinh, trình UBND huyện phê duyệt và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo trước 25/5/2023.

4. Triển khai kế hoạch tuyển sinh, tổ chức hướng dẫn công tác tuyển sinh

cho Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, THCS và PTCS trên địa bàn.

5. Trưởng phòng GDĐT ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường trên địa bàn.

6. Phối hợp với UBND các xã, thị trấn công bố công khai việc phân tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh; các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS và PTCS trên địa bàn trước khi bắt đầu tuyển sinh ít nhất 15 ngày để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị nộp hồ sơ nhập học cho HS tại các trường trên địa bàn.

7. Chỉ đạo các trường trên địa bàn tổ chức tuyển sinh theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở GDĐT, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học, không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 1, lớp 6. Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tối đa số lượng tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

8. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện của các trường về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh; đảm bảo số học sinh trên một lớp đúng quy định góp phần đẩy mạnh kế hoạch công nhận trường chuẩn quốc gia (mẫu giáo 3-4 tuổi có không quá 25 trẻ/lớp; mẫu giáo 4-5 tuổi có không quá 30 trẻ/lớp; mẫu giáo 5-6 tuổi có không quá 35 trẻ/lớp; tiểu học có không quá 35 học sinh/lớp; THCS có không quá 45 học sinh/lớp).

9. Chỉ đạo các trường tiến hành cấp mã học sinh kèm mặt khẩu cho cha mẹ học sinh, hướng dẫn cha mẹ học sinh các bước đăng ký, tra cứu kết quả tuyển sinh trực tuyến.

10. Tiếp tục tham mưu UBND huyện về việc bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất cho những trường khó khăn để đảm bảo chất lượng, nâng cao độ đồng đều giữa các trường. Phòng GDĐT thực hiện kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của các trường, tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng quá tải ở một số trường, đảm bảo khai thác hiệu quả cơ sở vật chất (tránh tình trạng có trường tuyển sinh vượt quá nhiều so với chỉ tiêu, trong khi đó có trường không tuyển đủ chỉ tiêu gây lãng phí về cơ sở vật chất, đội ngũ, tạo bức xúc cho người dân và dư luận xã hội).

11. Thành lập tổ công tác chỉ đạo và hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023- 2024 trên địa bàn. Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, ứng dụng CNTT trong công tác tuyển sinh nhằm tăng tỉ lệ học sinh tham gia tuyển sinh trực tuyến.

12. Tham mưu với UBND huyện chỉ đạo Công an trên địa bàn chủ động phối hợp với các trường trong công tác tuyển sinh; có phương án quản lý nhân khẩu, hộ khẩu hợp lý, thống nhất, tạo điều kiện giúp cho công tác tuyển sinh của các trường được chính xác và khoa học.

13. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh của các trường, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về tuyển sinh trong đó có việc tổ chức dạy trước chương trình ở các cơ sở giáo dục.

14. Phối hợp chặt chẽ với Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị

liên quan tham mưu UBND huyện chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo đúng chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và của Sở Giáo dục và Đào tạo.

15. Đánh giá xếp loại thi đua các trường về công tác tuyển sinh.

II. Đề nghị UBND các xã, thị trấn

- Chỉ đạo, phối hợp với các trường trên địa bàn thực hiện tốt kế hoạch tuyển sinh đầu cấp năm học 2023-2024; cử bộ phận phối hợp trong công tác điều tra, nắm bắt số trẻ trên từng địa bàn;

- Chỉ đạo công an xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc, đúng quy định về việc đăng ký thường trú, tạm trú trên địa bàn;

- Rà soát, tăng cường cơ sở vật chất trường học, đảm bảo điều kiện tối thiểu phục vụ cho năm học mới.

III. Các trường mầm non, tiểu học, THCS và PTCS

1. Chủ động phối hợp với UBND các xã, thị trấn trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn được phân công; nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, tham gia đầy đủ hội nghị về công tác tuyển sinh đầu cấp năm học 2023-2024 do Sở GDĐT, Phòng GDĐT tổ chức.

2. Các trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024, nộp bản in và bản quét dấu đỏ về Phòng GDĐT trước 10/5/2023 (thứ Tư) qua các tổ giáo vụ. Tổ mầm non: đồng chí Phan Thị Lệ Giang nhận, tổ Tiểu học: đồng chí Nguyễn Văn Trọng nhận, tổ THCS đồng chí Kiều Tuấn Anh nhận.

3. Thông báo công khai tại trường tuyển sinh do UBND huyện quy định; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính).

4. Hướng dẫn cha mẹ của học sinh tự kê khai các thông tin phục vụ cho công tác tuyển sinh, trong đó có thông tin về cư trú của học sinh (*gồm Số định danh cá nhân của học sinh, nơi thường trú, nơi ở hiện tại...theo mẫu M01 đính kèm Kế hoạch này*); không yêu cầu phải cung cấp Giấy xác nhận thông tin cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân của học sinh.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về công tác tuyển sinh trực tuyến và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2 để cung cấp thông tin về cư trú cho học sinh (*sử dụng VNeID của bố hoặc mẹ hoặc thành viên hộ gia đình có học sinh đăng ký tuyển sinh*).

6. Chuẩn bị cơ sở vật chất, thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh trực tuyến của trường.

7. Mỗi trường thành lập một Hội đồng tuyển sinh trình Trường phòng GDĐT ra quyết định thành lập, thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng, Thư ký và một số Ủy viên.

Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, đúng chỉ tiêu được giao. Trước ngày 20/5/2023 (thứ Sáu), các trường gửi bản mềm danh sách Hội đồng tuyển sinh năm học 2023-2024 về Phòng GDĐT qua hộp thư cán bộ phụ trách theo cấp học. Tổ mầm non: đồng chí Phan Thị Lệ Giang nhận, tổ Tiểu học: đồng chí Nguyễn Văn Trọng nhận, tổ THCS đồng chí Kiều Tuấn Anh nhận.

8. Tổ chức cấp mã học sinh kèm mật khẩu cho cha mẹ học sinh, hướng dẫn cha mẹ học sinh truy cập vào tra sổ liên lạc điện tử để theo dõi, kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả học tập, kết quả tuyển sinh của học sinh theo đúng quy định; đảm bảo bảo mật mã học sinh và mật khẩu; chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trên hệ thống sổ điểm điện tử với hồ sơ học sinh; bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ, xử lý những khó khăn của học sinh, cha mẹ học sinh về mã học sinh, sổ liên lạc điện tử và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định.

9. Tổ chức tuyển sinh:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân học sinh như: Họ tên, ngày sinh, nơi sinh, giới tính, dân tộc,... trong Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu (hoặc Sổ tạm trú, Giấy xác nhận thông tin về cư trú), Học bạ (đối với lớp 6). Nếu thấy trùng khớp cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ghi vào mặt sau của bản sao Giấy khai sinh: “Đã kiểm tra khớp với bản chính Sổ hộ khẩu (hoặc Sổ tạm trú, Giấy xác nhận thông tin về cư trú) và hồ sơ tuyển sinh” sau đó ký và ghi rõ họ tên, Hiệu trưởng ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao Giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh sau này. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng nhà trường phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên;

b) Trong suốt thời gian tuyển sinh các trường tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ học sinh đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường;

c) Thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình tuyển sinh và hạn chế tối đa tỉ lệ tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt với các trường đã tuyển đủ số chỉ tiêu được giao;

d) Chủ động phối hợp với cơ quan Y tế địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo đúng chỉ đạo của cấp trên.

10. Lãnh đạo Hội đồng tuyển sinh nhà trường phân công các thành viên trực trong thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn thắc mắc, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác tuyển sinh đầu cấp; sử dụng các tiện ích trực tuyến trong việc tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ đăng ký tuyển sinh.

11. Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã tuyển thông qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến, gửi kết quả tuyển sinh cho UBND xã, thị trấn và báo cáo về phòng GDĐT.

IV. Thời gian thực hiện và chế độ báo cáo

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC
1.	26/4/2023	Rà soát, hoàn thiện thông tin học sinh phục vụ tuyển sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành (<i>Số định danh cá nhân của học sinh, họ tên, ngày sinh, nơi sinh, nơi cư trú....</i>) Hoàn thiện công tác điều tra cơ bản số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh.
2.	10/5/2023	Các trường nộp Kế hoạch tuyển sinh về Phòng GDĐT (bản in và dấu đỏ) qua cán bộ phụ trách cấp học (MN: Đ/c Giang, email giangptl-bv@hanoiedu.vn ; TH: Đ/c Trọng, email trongnv-bv@hanoiedu.vn ; THCS: Đ/c Tuấn Anh, email anhkt-bv@hanoiedu.vn).
3.	Trước 18/5/2023	Công khai Kế hoạch tuyển sinh của huyện trên cổng thông tin điện tử của Phòng GDĐT tại địa chỉ http://bavi.edu.vn/ và website các trường.
4.	Trước 20/5/2023	Gửi danh sách Hội đồng tuyển sinh nhà trường năm học 2023-2024 file Word về Phòng qua cán bộ phụ trách cấp học (MN: Đ/c Giang, email giangptl-bv@hanoiedu.vn ; TH: Đ/c Trọng, email trongnv-bv@hanoiedu.vn ; THCS: Đ/c Tuấn Anh, email anhkt-bv@hanoiedu.vn).
5.	25/5/2023	Nộp kế hoạch tuyển sinh của huyện về Sở Giáo dục và Đào tạo
6.	25/5/2023	Phòng GDĐT hoàn thành cập nhật phân tuyến và chỉ tiêu tuyển sinh của các trường vào phần mềm TS, xuất bản in, kiểm dò báo cáo Sở GDĐT.
7.	25/5/2023	Các trường MN, tiểu học, THCS, PTCS hoàn thành cấp mã tuyển sinh (kèm mật khẩu) cho cha mẹ học sinh.
8.	Từ 26/5 đến 12/7/2023	Các trường ngoài Công lập: Tổ chức tuyển sinh, đồng thời cập nhật hồ sơ học sinh lên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến.
9.	4/6/2023	Các trường hướng dẫn CMHS đăng ký tuyển sinh trực tuyến trên hệ thống phần mềm tuyển sinh của thành phố Hà Nội, công khai kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh tại trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của trường. Nhận Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh tại Phòng GDĐT theo cấp học.
10.	Từ 10/6 đến 12/6/2023	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố lần 1
11.	15/6/2023	Phòng GDĐT hoàn thiện cập nhật điều chỉnh phân tuyến, chỉ tiêu trên phần mềm TS (nếu có).
12.	Từ 16/6 đến 18/6/2023	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn Thành phố (lần 2). Sở Giáo dục và Đào tạo đóng hệ thống tuyển sinh trực tuyến từ 19/6 đến 30/6 để chuẩn bị vận hành chính thức.
13.		Tuyển sinh trực tuyến trẻ 5 tuổi, lớp 1, lớp 6.
14.	01/7 đến hết	CMHS đăng ký tuyển sinh trực tuyến lớp 1 vào các trường tiểu

	03/7/2023	học, PTCS các trường phối hợp hỗ trợ thực hiện.
15.	04/7 đến hết 06/7/2023	CMHS đăng ký tuyển sinh trực tuyến trẻ 5 tuổi vào các trường mầm non, các trường phối hợp hỗ trợ thực hiện.
16.	07/7 đến hết 09/7/2023	CMHS đăng ký tuyển sinh trực tuyến lớp 6 vào các trường THCS, PTCS các trường phối hợp hỗ trợ thực hiện.
17.	13/7 đến hết 18/7/2023	Các trường tuyển sinh trực tiếp vào các trường MN, lớp 1, lớp 6 đối với trường hợp tuyển sinh đúng tuyển.
18.	19/7/2023	Các trường báo cáo kết quả tuyển sinh về Phòng GDĐT, đề xuất được tuyển sinh bổ sung (trái tuyển) nếu còn thiếu chỉ tiêu. Căn cứ tình hình cụ thể, Phòng cho phép các trường thực hiện tuyển sinh bổ sung.
19.	20/7/2023	Phòng GDĐT Báo cáo nhanh Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả tuyển sinh; đề xuất tuyển sinh bổ sung cho các trường còn chỉ tiêu.
20.	21/7 đến hết 22/7/2023	Các trường thực hiện tuyển sinh bổ sung (nếu có).
21.	23/7/2023	HD tuyển sinh các trường làm việc: nhận hồ sơ và lập danh sách học sinh trúng tuyển năm học 2023-2023. Hoàn thành cập nhật dữ liệu tuyển sinh vào phần mềm Sổ điểm điện tử
22.	31/7/2023	Phòng GDĐT nộp Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh.
23.	Trong quá trình TS	Nhà trường cần liên tục cập nhật thông tin và thực hiện các yêu cầu đột xuất từ Phòng GDĐT, Sở GDĐT.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2023-2024, Phòng Giáo dục và Đào tạo Ba Vì đề nghị các trường Mầm non, Tiểu học, THCS và PTCS nghiên cứu kỹ văn bản và tổ chức thực hiện nghiêm túc theo Kế hoạch. Nếu vướng mắc trong quá trình thực hiện các đơn vị cần báo cáo ngay về Phòng GDĐT qua các tổ Giáo vụ để xin ý kiến Lãnh đạo chỉ đạo, giải quyết kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Hà Nội (để b/c);
- CT/PCT UBND huyện (để b/c);
- UBND các xã, thị trấn (để p/h);
- TP/PTP PGDĐT;
- Các Tổ giáo vụ;
- Các trường MN, TH, THCS, PTCS (email, website);
- Website UB huyện, PGDĐT;
- Lưu: VT



Phùng Ngọc Oanh



PHIẾU KÊ KHAI THÔNG TIN HỌC SINH

(Để đảm bảo quyền lợi tuyển sinh của học sinh, đề nghị phụ huynh kê khai đầy đủ và chính xác những thông tin dưới đây)

Trường: Lớp:

- 1) Họ và tên học sinh (VIẾT CHỮ IN HOA):
- 2) Giới tính (Nam/Nữ): 3) Dân tộc:
- 4) Ngày sinh: 5) Nơi sinh (tỉnh/thành phố):
- 6) Đối tượng chính sách: 7) Học sinh khuyết tật:
- 8) Nơi thường trú:
- 8.1) Tỉnh/thành phố:
- 8.2) Quận/huyện:
- 8.3) Phường/xã/thị trấn:
- 8.4) Tổ/thôn:
- 8.5) Khu phố/xóm:
- 9) Nơi ở hiện tại:
- 9.1) Tỉnh/thành phố:
- 9.2) Quận/huyện:
- 9.3) Phường/xã/thị trấn:
- 9.4) Tổ/thôn:
- 9.5) Khu phố/xóm:
- 9.6) Số nhà/ngõ/ngách:
- 10) Số định danh cá nhân của học sinh:

Tôi cam đoan những thông tin kê khai trong phiếu này là đúng sự thật.

Quan hệ của người kê khai với học sinh

(Cha/Mẹ/Người giám hộ)

.....

Hà Nội, ngày tháng năm

NGƯỜI KÊ KHAI

(ký và ghi rõ họ tên)

Số ĐT người kê khai:.....

Lưu ý: CMHS nộp phiếu này cho nhà trường chậm nhất ngày .../.../.....

Hướng dẫn kê khai: Đề nghị CMHS ghi bằng bút mực MÀU XANH

1) Họ và tên học sinh: Viết đầy đủ Họ, đệm và tên học sinh bằng chữ IN HOA.

5) Nơi sinh: Chỉ ghi tên tỉnh/thành phố.

6) Đối tượng chính sách: Hộ nghèo/GĐ liệt sĩ/GĐ có công với cách mạng/GĐ có người là lão thành cách mạng/GĐ tham gia kháng chiến. ... Bỏ trống nếu không thuộc diện đối tượng chính sách.

7) Học sinh khuyết tật: KT nhìn/KT vận động/KT nghe/... Bỏ trống nếu không thuộc diện khuyết tật.

8) Nơi thường trú: là nơi học sinh sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú.

9) Nơi ở hiện tại: là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú mà học sinh đang thường xuyên sinh sống.

10) Số định danh cá nhân của học sinh: Gồm 12 số do cơ quan Công an cấp.

UBND HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG:.....

DANH SÁCH XÁC NHẬN THÔNG TIN HỌC SINH ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH NĂM HỌC 2023-2024

STT	Số định danh cá nhân	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú					Nơi ở hiện tại					Xác thực của Công an phường/xã/thị trấn		Ghi chú	
				Thành phố/Tỉnh	Quận/Huyện	Phường/Xã/Thị trấn	Tổ/Thôn	Khu phố/Xóm	Quận/Huyện	Phường/Xã/Thị trấn	Tổ/Thôn	Khu phố/Xóm	Số nhà/ngõ/ngách	Thông tin đúng	Thông tin sai (nếu rõ nội dung sai)		

Danh sách gồm: Học sinh

....., ngày tháng năm 2023
HIỆU TRƯỞNG
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 2023
CÔNG AN PHƯỜNG/XÃ/THỊ TRẤN
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH MÀM NON NĂM HỌC 2023-2024

Kèm theo kế hoạch số **646**./KH-PGDĐT ngày..09./5/2023 của Phòng GDĐT Ba Vì

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường của năm học 2022-2023					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (thôn hoặc xóm, xã, phường...)
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Công lập	1	1 - 6	152	125	149	160	586	70	130	163	130	493	75	30	10	0	115	TT Tây Đằng: Thôn Chợ Chàng, Cửa Đình, Đái Hoa, Đồi, Hưng Đạo, Phú Mỹ, Vân Hồng
Công lập	2	Ba Trại A	210	116	135	125	586	105	141	146	149	541	100	40	9	0	149	Xã Ba Trại: Thôn 1, 2, 3, 4, 5
Công lập	3	Ba Trại B	200	128	135	114	577	100	95	95	90	380	75	25	10	3	113	Xã Ba Trại: Thôn 6, 7, 8, 9 và thôn Lâm Nghiệp
Công lập	4	Ba Vì	78	38	30	26	172	63	45	30	24	162	35	5	0	0	40	Xã Ba Vì
Công lập	5	Cầm Lĩnh A	210	125	135	135	605	80	125	125	160	490	93	45	10	2	150	Xã Cầm Lĩnh; Thôn Tân Thành, Vô Khuy, Đông Phương, Ngọc Nhị, Bằng Tạ.
Công lập	6	Cầm Lĩnh B	198	95	92	93	478	90	88	89	90	357	90	10	0	0	100	Xã Cầm Lĩnh: Thôn Tân An, Cầm Tân, Cầm Thủy, Cầm An, An Thái, Phú Phong.
Công lập	7	Cam Thượng	205	110	123	111	549	46	75	111	107	339	45	35	20	3	103	Xã Cam Thượng
Công lập	8	Châu Sơn	120	67	55	51	293	68	52	50	56	226	40	0	0	0	40	Xã Châu Sơn
Công lập	9	Chu Minh	208	115	118	112	553	87	95	108	127	417	90	33	12	0	135	Xã Chu Minh
Công lập	10	Cổ Đô	184	112	106	103	505	106	95	93	106	400	100	7	8	8	123	Xã Cổ Đô
Công lập	11	Đông Quang	144	93	96	95	428	55	85	85	88	313	55	30	2	2	89	Xã Đông Quang
Công lập	12	Đông Thái	407	212	216	197	1032	91	149	182	209	631	94	81	45	8	228	Xã Đông Thái
Công lập	13	K.Thượng A	119	60	56	60	295	71	51	57	70	249	57	4	1	0	62	Xã Khánh Thượng: Thôn Gò Đá Chẹ, Thôn Ninh, Thôn Bưởi, Thôn Sơn Hà, Thôn Khánh Chúc Đồi, Thôn Khánh Chúc Bãi.
Công lập	14	K.Thượng B	104	48	69	62	283	46	64	63	76	249	50	20	6	0	76	Xã Khánh Thượng: Thôn Gò Đình Muôn, Thôn Bát Cờn Chèm, Thôn Mít- Đông Sồng, Thôn sui Quán, Thôn Hương Canh
Công lập	15	Minh Châu	175	79	63	80	397	71	63	73	100	307	80	28	0	0	108	Xã Minh Châu
Công lập	16	Minh Quang A	172	120	128	130	550	106	112	126	147	491	78	32	0	0	110	Xã Minh Quang: Thôn Minh Hồng, Thôn Lặt, Thôn Cốc Đồng Tâm, Thôn Đám Sán, Thôn Xuân Thọ, Thôn Pheo, Thôn Mộc, Thôn Nội, Víp, Vồng Gốc Vải

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường của năm học 2022-2023					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (thôn hoặc xóm, xã, phường...)
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
Công lập	17	Minh Quang B	94	52	56	57	259	53	55	66	59	233	32	11	2	0	45	Xã Minh Quang: Thôn Sỏ, Thôn Phú Lợi, Thôn Liên Bu, Thôn Đá Chông, Thôn Dy
Công lập	18	Phong Vân	124	94	96	115	429	64	79	92	77	312	60	10	2	1	73	Xã Phong Vân
Công lập	19	Phú Châu	256	141	145	152	694	124	129	149	166	568	102	37	15	0	154	Xã Phú Châu
Công lập	20	Phú Cường	130	80	62	63	335	75	62	55	80	272	40	4	2	0	46	Xã Phú Cường
Công lập	21	Phú Đông	142	85	86	72	385	97	92	103	102	394	70	9	9	2	90	Xã Phú Đông
Công lập	22	Phú Phương	159	96	85	73	413	78	86	79	85	328	75	14	3	0	92	Xã Phú Phương
Công lập	23	Phú Sơn	245	140	166	140	691	60	96	118	129	403	80	60	34	12	186	Xã Phú Sơn
Công lập	24	Sơn Đà	196	103	112	120	531	102	112	114	112	440	81	8	0	3	92	Xã Sơn Đà
Công lập	25	Tân Hồng	310	172	175	151	808	108	138	143	145	534	88	41	8	19	156	Xã Tân Hồng
Công lập	26	Tân Lĩnh A	182	127	130	150	589	87	110	104	129	430	87	24	10	2	123	Xã Tân lĩnh: Thôn An Hòa, Đức Thịnh, Hát Giang, Hiệu Lực, Tam Mỹ, Cẩm Phương; Kế Mới, Việt Long
Công lập	27	Tân Lĩnh B	72	47	48	51	218	47	40	41	39	167	27	12	3	0	42	Xã Tân Lĩnh: Thôn Gò Sỏi, Cua Chu, Bát Đầm
Công lập	28	Tân Viên	72	35	35	59	201	72	43	63	74	252	58	16	6	0	80	Xã Tân Lĩnh; Thôn Cẩm Phương, Hà Tân, Yên Thành, Hoàng Long, Hiệu Lực.
Công lập	29	Tây Đằng	178	109	139	144	570	86	135	135	153	509	100	76	20	20	216	TT Tây Đằng: Thôn Đông, Thôn Nam, Cao Nhạng, Bắc, Cầu Bà, Văn Trai, Lai Bô
Công lập	30	Thái Hòa	225	110	134	106	575	70	72	103	129	374	63	33	45	7	148	Xã Thái Hòa
Công lập	31	Thuần Mỹ	171	86	89	103	449	75	89	103	112	379	60	54	0	0	114	Xã Thuần Mỹ
Công lập	32	Thụy An	199	114	127	115	555	77	102	118	121	418	56	37	8	1	102	Xã Thụy An
Công lập	33	Tiên Phong	211	108	130	127	576	75	102	110	146	433	85	40	18	10	153	Xã Tiên Phong
Công lập	34	Tông Bạt	220	136	165	122	643	130	160	122	148	560	97	30	1	0	128	Xã Tông Bạt
Công lập	35	TTNC Bò	0	36	55	38	129	90	93	79	99	361	94	15	5	0	114	Xã Văn Hòa: Thôn Xuân Hòa, Việt Hòa, Hòa Trung xã Văn Hòa. Xã Tân Lĩnh: Thôn Việt Long
Công lập	36	Vân Hòa A	131	65	66	80	342	66	76	79	89	310	65	5	0	0	70	Xã Văn Hòa: Thôn Muồng Phú Vàng, Thôn Đa Cuồng, Thôn Bận, Thôn Bơn, Thôn Đông Chay, Thôn Mỏ Đồi.
Công lập	37	Vân Hòa B	112	53	74	55	294	45	44	46	45	180	42	14	0	0	56	Xã Văn Hòa: Thôn Rùa, Xoan, Nghe, Muồng Voi, Muồng Cháu.
Công lập	38	Vạn Thắng	480	281	284	211	1256	90	132	170	192	584	77	63	42	9	191	Xã Vạn Thắng
Công lập	39	Vật Lại	430	242	257	242	1171	100	179	233	268	780	100	90	90	5	285	Xã Vật Lại

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường của năm học 2022-2023					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2023-2024					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (thôn hoặc xóm, xã, phường...)
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
Công lập	40	Yên Bài A	147	76	85	87	395	85	73	77	92	327	61	3	0	0	64	Xã Yên Bài: Thôn Bài, thôn Chóng, Thôn Muối, Thôn Mít Mái, thôn Việt Yên, thôn Quýt
Công lập	41	Yên Bài B	52	30	32	32	146	50	46	49	62	207	40	5	0	0	45	Xã Yên Bài: Thôn Phú Yên, Thôn Quảng Phúc.
		Tổng Công lập	7424	4261	4539	4319	20543	3261	3810	4147	4582	15800	2897	1136	456	117	4606	
Ngoài CL	1	Lương Thế Vinh					0	49	62	54	58	223	32	23	4	1	60	Toàn huyện Ba Vì
		Tổng Ngoài CL	0	0	0	0	0	49	62	54	58	223	32	23	4	1	60	
		Tổng Quận, Huyện	7424	4261	4539	4319	20543	3310	3872	4201	4640	16023	2929	1159	460	118	4666	

ĐĂNG KÍ CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 1 NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Kế hoạch số **696**/KH-PGDĐT ngày **09/ 5/2023** của Phòng GDĐT Ba Vì)

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (thôn hoặc xóm, xã, phường,)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
CL	1	Ba Trại A	126	5	140	Thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn Lâm Nghiệp - xã Ba Trại - Ba Vì - Hà Nội; thôn Cẩm Thủy - xã Cẩm Lĩnh - Ba Vì - Hà Nội		28,0
CL	2	Ba Trại B	124	4	135	Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5 - xã Ba Trại - Ba Vì - Hà Nội; thôn Cẩm An - xã Cẩm Lĩnh - Ba Vì - Hà Nội		33,8
CL	3	Cẩm Lĩnh	239	6	209	Xã Cẩm Lĩnh - Ba Vì - Hà Nội		34,8
CL	4	Cam Thượng	100	3	100	Xã Cam Thượng - Ba Vì - Hà Nội		33,3
CL	5	Châu Sơn	58	2	58	Xã Châu Sơn - Ba Vì - Hà Nội		29,0
CL	6	Chu Minh	134	4	120	Xã Chu Minh - Ba Vì - Hà Nội		30,0
CL	7	Cổ Đô	104	3	95	Xã Cổ Đô - Ba Vì - Hà Nội		31,7
CL	8	Đông Quang	82	3	82	Xã Đông Quang - Ba Vì - Hà Nội;		27,3
CL	9	Đồng Thái	229	7	229	Xã Đồng Thái - Ba Vì - Hà Nội		32,7
CL	10	Khánh Thượng	134	4	134	Xã Khánh Thượng - Ba Vì - Hà Nội		33,5
CL	11	Minh Châu	97	3	97	Xã Minh Châu - Ba Vì - Hà Nội		32,3
CL	12	Minh Quang A	137	5	137	Thôn Mộc, thôn Lật, thôn Cốc Đồng Tâm, thôn Nội, thôn Víp, thôn Pheo, thôn Xuân Thọ, thôn Vồng Gốc Vải, thôn Đầm Sắn, thôn Minh Hồng - Xã Minh Quang - Ba Vì - Hà Nội		27,4
CL	13	Minh Quang B	52	2	47	Thôn Đá Chông, thôn Di, thôn Liên Bu, thôn Sỏ, thôn Phú lợi - Xã Minh Quang - Ba Vì - Hà Nội		23,5
CL	14	Phong Vân	84	3	89	Xã Phong Vân - Ba Vì - Hà Nội; xóm Xuôi - thôn Trung Hà - xã Thái Hòa - Ba Vì - Hà Nội		29,7
CL	15	Phú Châu	163	5	160	Xã Phú Châu - Ba Vì - Hà Nội		32,0
CL	16	Phú Cường	78	3	78	Xã Phú Cường - Ba Vì - Hà Nội		26,0
CL	17	Phú Đông	82	3	82	Xã Phú Đông - Ba Vì - Hà Nội		27,3
CL	18	Phú Phương	86	3	86	Xã Phú Phương - Ba Vì - Hà Nội		28,7
CL	19	Phú Sơn	167	5	154	Xã Phú Sơn - Ba Vì - Hà Nội		30,8
CL	20	Sơn Đà	112	3	112	Xã Sơn Đà - Ba Vì - Hà Nội		37,3
CL	21	Tản Hồng	140	5	140	Xã Tản Hồng - Ba Vì - Hà Nội		28,0
CL	22	Tản Lĩnh	252	7	225	Xã Tản Lĩnh - Ba Vì - Hà Nội		32,1
CL	23	Tây Đằng A	188	6	210	Thôn Cao Nhang, thôn Cầu Bã, thôn Lai Bỏ, thôn Nam, thôn Đông, thôn Đoài, 1/2 thôn Hưng Đạo, thôn Vân Trai, thôn Bắc- Thị trấn Tây Đằng - Ba Vì - Hà Nội		35,0

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (thôn hoặc xóm, xã, phường,)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
CL	24	Tây Đằng B	111	4	140	Thôn Chợ Chàng, Thôn Cửa Đình, Thôn Đài Hoa, Thôn Phú Mỹ, Thôn Vân Hồng, Thôn Vân Trai, Thôn Bắc; 1/2 Thôn Hưng Đạo - Thị trấn Tây Đằng - Ba Vi - Hà Nội; xóm Phố Mới, xóm Vòng Phệ - Vĩnh Phệ - Chu Minh - Ba Vi - Hà Nội; Thôn Liễu Châu - Phú Châu - Ba Vi - Hà Nội.		35,0
CL	25	Thái Hòa	130	4	139	Xã Thái Hòa - Ba Vi - Hà Nội; thôn Nhông Nương Tụ - xã Phú Sơn - Ba Vi - Hà Nội		34,8
CL	26	Thuần Mỹ	112	4	112	Xã Thuần Mỹ - Ba Vi - Hà Nội		28,0
CL	27	Thụy An	140	5	150	Xã Thụy An - Ba Vi - Hà Nội; Thôn Đông Phong - Tiên Phong - Ba Vi		30,0
CL	28	Tiên Phong	169	4	147	Xã Tiên Phong - Ba Vi - Hà Nội		36,8
CL	29	Tòng Bạt	152	5	152	Xã Tòng Bạt - Ba Vi - Hà Nội		30,4
CL	30	TTNC Bò	56	3	90	Xã Vân Hoà: thôn Hoà Trung, thôn Xuân Hoà, thôn Việt Hoà, thôn Mỏ Đồi, thôn Đồng Chay, thôn Xoan, thôn Nghe. Xã Tân Lĩnh: thôn Việt Long, thôn Hát Giang, thôn Tam Mỹ, thôn Ké. Xã Yên Bài: thôn Việt Yên, thôn Muối.		30,0
CL	31	Vân Hòa	129	4	124	Xã Vân Hòa - Ba Vi - Hà Nội		31,0
CL	32	Vạn Thắng	296	8	296	Xã Vạn Thắng - Ba Vi - Hà Nội		37,0
CL	33	Vật Lại	261	7	261	Xã Vật Lại - Ba Vi - Hà Nội		37,3
CL	34	Yên Bài	163	5	157	Xã Yên Bài - Ba Vi - Hà Nội; thôn Việt Hòa - xã Vân Hòa - Ba Vi - Hà Nội		31,4
CL	35	Yên Sơn	14	1	14	Thôn Yên Sơn - xã Ba Vi - Ba Vi - Hà Nội; thôn Bát Đầm - xã Minh Quang - Ba Vi - Hà Nội		14,0
CL	36	Hợp Nhất	11	1	11	Thôn Hợp Nhất, thôn Hợp Sơn - xã Ba Vi - Ba Vi - Hà Nội		11,0
		Tổng C.lập	4712	149	4712			31,6
Ngoài CL			0	0	0			
		Tổng Ngoài CL	0	0	0			
		Tổng Quận, Huyện	4712	149	4712			31,6

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2023-2024
 Kèm theo Kế hoạch số **446**/KH-PGDĐT ngày **19/5/2023** của Phòng GDĐT Ba Vì

TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (Phường, tổ dân phố)	Số HS/Lớp
			Số lớp	Số HS		
1	2	3	4	5	6	7
1	PTCS Hợp Nhất	32	1	32	Thôn Hợp sơn, Thôn Hợp Nhất- Xã Ba Vì	32,0
2	PTCS Yên Sơn	17	1	17	Thôn Yên Sơn- xã Ba Vì; Thôn Bát Đầm- Xã Tân Lĩnh; Thôn 7, Thôn 8- Xã Ba Trại	17,0
3	THCS Ba Trại	433	10	393	Xã Ba Trại; Thôn Phú Phong, thôn Cẩm Thủy- Xã Cẩm Lĩnh; Thôn Dy, Thôn Đá Chông- Xã Minh Quang	39,3
4	THCS Cẩm Lĩnh	267	6	256	Xã Cẩm Lĩnh; Thôn An Thịnh- xã Vật Lại	42,7
5	THCS Cam Thượng	136	3	132	Xã Cam Thượng	44,0
6	THCS Châu Sơn	114	3	114	Xã Châu Sơn	38,0
7	THCS Chu Minh	219	5	200	Xã Chu Minh	40,0
8	THCS Cổ Đô	149	4	149	Xã Cổ Đô	37,3
9	THCS Đông Quang	118	3	110	Xã Đông Quang, Công ty giống cây trồng TW- xã Cam Thượng	36,7
10	THCS Đồng Thái	287	7	287	Xã Đồng Thái	41,0
11	THCS Khánh Thượng	154	4	154	Xã Khánh Thượng	38,5
12	THCS Minh Châu	107	3	107	Xã Minh Châu	35,7
13	THCS Minh Quang	226	5	224	Xã Minh Quang	44,8
14	THCS Phong Vân	132	3	132	Xã Phong Vân; thôn Trung Hà- xã Thái Hòa	44,0
15	THCS Phú Châu	240	6	240	Xã Phú Châu	40,0
16	THCS Phú Cường	106	3	106	Xã Phú Cường	35,3
17	THCS Phú Đông	143	4	143	Xã Phú Đông; Thôn Tuấn Xuyên- Xã Vạn Thắng	35,8
18	THCS Phú Phương	98	3	95	Xã Phú Phương	31,7
19	THCS Phú Sơn	237	5	221	Xã Phú Sơn	44,2
20	THCS Sơn Đà	153	4	152	Xã Sơn Đà	38,0

TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chi tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (Phường, tổ dân phố)	Số HS/ Lớp
			Số lớp	Số HS		
21	THCS Tân Đà		4	176	Thị trấn Tây Đằng; xóm Phố Mới- Thôn Vĩnh Phệ- xã Chu Minh, xã Tiên Phong, xã Thụy An, xã Cẩm Lĩnh, xã Vật Lại	44,0
22	THCS Tân Hồng	247	6	247	Xã Tân Hồng	41,2
23	THCS Tân Lĩnh	371	8	351	Xã Tân Lĩnh	43,9
24	THCS Tây Đằng	459	7	316	Thị trấn Tây Đằng	45,1
25	THCS Thái Hoà	192	4	180	Xã Thái Hòa; Thôn Nhông Nương Tụ- xã Phú Sơn	45,0
26	THCS Thuần Mỹ	114	3	114	Xã Thuần Mỹ	38,0
27	THCS Thụy An	242	6	235	Xã Thụy An	39,2
28	THCS Tiên Phong	178	4	178	Xã Tiên Phong	44,5
29	THCS Tông Bạt	236	6	236	Xã Tông Bạt	39,3
30	THCS TTNC Bò và Đồng cỏ	193	5	200	Xã Vân Hòa; Thôn Việt Long, Hát Giang, Mỹ Lâm, Tâm Mỹ- Xã Tân lĩnh; Xã Yên Bái (Học sinh đang học tại TH TTNC Bò và Đồng cỏ Ba Vi)	40,0
31	THCS Vân Hoà	213	5	200	Xã Vân Hòa	40,0
32	THCS Vạn Thắng	395	10	395	Xã Vạn Thắng	39,5
33	THCS Vật Lại	389	9	389	Xã Vật Lại	43,2
34	THCS Yên Bái A	114	3	106	Thôn Mít Mái, thôn Bài, thôn Quýt, thôn Chóng, thôn Muối, thôn Quảng Phúc- xã Yên Bái	35,3
35	THCS Yên Bái B	90	3	90	Thôn Muối, Thôn Phú Yên, Thôn Quảng Phúc, Thôn Việt Yên, Thôn Mít Mái- xã Yên Bái; Thôn Đồng Chay, Thôn Việt Hòa- xã Vân Hòa	30,0
36	Phổ thông DTNT Hà Nội		3	105	Phân tuyến toàn thành phố	35,0
	Tổng Công lập	6.801	169	6.782		40,1
	Tổng quận (huyện)					